TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:181/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26-9-2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tô Văn Nhung;

Bà Hoàng Lệ Chi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 419/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 115/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trương Thị Lệ H, sinh năm 1981; thường trú: 20/21B khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh B, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Hải X, sinh năm 1970; thường trú: 1/17B khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh B; nơi ở hiện nay: Số 58A, đường N2, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh B, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trương Thị Lệ H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, bà Trương Thị Lệ H và ông Lê Hải X tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố D, tỉnh B. Việc kết hôn của bà H và ông X là tự nguyện.

Sau khi kết hôn, bà H và ông X cùng sinh sống tại nhà riêng của bà H số 20/21B, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh B. Thời gian đầu vợ cH sống với nhau hạnh phúc cho đến năm 2017 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ cH không hợp tính tình, thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, mỗi lần vợ cH xảy ra mâu thuẫn thì ông X lại chuyển ra ngoài ở riêng. Vợ cH ly thân từ tháng 5/2021 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ cH không ai quan tâm đến ai. Nay bà H xác định tình cảm vợ cH không còn nên yêu cầu ly hôn với ông X.

Về con chung: Bà Trương Thị Lệ H xác định không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Trương Thị Lệ H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Lê Hải X:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu ông X có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H nhưng ông X không có ý kiến, đồng thời cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào khác. Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu ông X tham gia hòa giải nhưng ông X vắng mặt không có lý do, đồng thời bà H có đơn từ chối hòa giải. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu ông X tham gia phiên tòa nhưng ông X vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy, việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Quá trình tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đối với bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không chấp hành theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng với quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trương Thị Lệ H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Ông Lê Hải X đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Lệ H và ông Lê Hải X là vợ cH, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã D (nay là thành phố D), tỉnh B vào ngày 18/8/2015 theo giấy chứng nhận kết hôn số 190/2015, quyển số 01/2015 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Quá trình tố tụng, bà H xác định trong cuộc sống vợ cH có nhiều mâu thuẫn cụ thể là vợ cH không hợp tính tình, thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, mỗi lần vợ cH xảy ra mâu thuẫn thì ông X lại chuyển ra ngoài ở riêng. Vợ cH ly thân từ tháng 5/2021 cho đến nay. Quá trình tố tụng, Tòa án triệu tập ông X đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ cH, có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H và cung cấp chứng cứ liên quan đến vụ án nhưng ông X không đến và không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Điều này chứng tỏ bản thân ông X cũng không muốn vợ cH có cơ hội để đoàn tụ với nhau, còn bà H xác định không còn tình cảm với ông X, hiện ông, bà đang ly thân. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông X đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà H yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà Trương Thị Lệ H xác định không có con chung, không yêu cầu giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Trương Thị Lệ H không yêu cầu giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị Lệ H phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Lệ H được ly hôn với ông Lê Hải X (Giấy chứng nhận kết hôn số 190/2015, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân phường T, thị xã D (nay là thành phố D), tỉnh B cấp ngày 18/8/2015).

2. Về con chung: Bà Trương Thị Lệ H xác định không có con chung, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Trương Thị Lệ H không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị Lệ H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004035 ngày 01/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thụy